

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 07 – 3 – 2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 821/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Phan Thị H**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* **Ông Hoàng Đình L**, sinh năm 1970; Địa chỉ: 01/87 Kiệt 47 B, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2023; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/10/1999.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2023, bà H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian và có 03 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông L tính tình gia trưởng, chửi bới, đánh đập và gây áp lực cho bà Huế nhiều lần khiến cho tinh thần của bà H hoảng loạn. Bà H đã bỏ về nhà cha mẹ và sống ly thân gần 01 năm nay. Hiện nay, bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2023, bị đơn ông Hoàng Đình L trình bày: Ông L thống nhất về quá trình kết hôn và chung sống như lời bà H trình bày. Việc bà H xin ly hôn thì ông L không đồng ý vì ông cho rằng vợ chồng không có

mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng có cãi nhau. Ông rất yêu thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chung sống hạnh phúc với nhau.

- Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Quang T, sinh ngày 23/3/2001; Hoàng Phan Nhật A, sinh ngày 24/8/2003 và Hoàng Phan Uyển N, sinh ngày 14/8/2005. Do các con đã trưởng thành nên bà H và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L, kết quả cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông L xảy ra mâu thuẫn do ông L tính tình gia trưởng, chi ly trong tiền bạc nên vợ chồng nhiều lần cãi nhau, ông L có đuổi bà H ra khỏi nhà; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H đã bỏ về nhà cha mẹ để sống gần 01 năm nay, ông L bỏ mặc không quan tâm đến việc hàn gắn vợ chồng. Nay bà H xin ly hôn đối với ông L thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án. Bà Phan Thị H vẫn cương quyết xin ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều từ 93 đến 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Hoàng Đình L. Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L có 03 con chung tên là Hoàng Quang T, sinh ngày 23/3/2001; Hoàng Phan Nhật A, sinh ngày 24/8/2003 và Hoàng Phan Uyển N, sinh ngày 14/8/2005. Do các con của bà H, ông L đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Hoàng Đình L nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường D, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự: Bà Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Hoàng Đình L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huế và ông Long.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/10/1999. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm, không còn quan tâm đến nhau nữa nên bà H xin ly hôn với ông L. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 27/10/2023, ông L không đồng ý ly hôn và cho rằng ông rất yêu thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, sau khi bà H bỏ đi, ông L không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân, không quan tâm chăm sóc bà H, thể hiện ông đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L, kết quả cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông L không hạnh phúc, đã đến mức trầm trọng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Quang T, sinh ngày 23/3/2001; Hoàng Phan Nhật A, sinh ngày 24/8/2003 và Hoàng Phan Uyên N, sinh ngày 14/8/2005. Do các con đã trưởng thành, bà H, ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này.

[2.4] Về nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn ông Hoàng Đình L.

2. Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L có 03 con chung tên là Hoàng Quang T, sinh ngày 23/3/2001; Hoàng Phan Nhật A, sinh ngày 24/8/2003 và Hoàng Phan Uyên N, sinh ngày 14/8/2005. Hiện các con của bà H và ông L đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Hoàng Đình L đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001046 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Võ Dạ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Hồng